

Bản án số: 416/2026/DS - PT
Ngày 23 - 4 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 639/2025/QĐ - PT ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Thông báo về việc mở phiên tòa số: 352/TB - TA ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Lê T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2. Bà Hồng Bích H, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A, Đường A, khóm F, phường T, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2025.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc T2, Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D: Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2025.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị C:

- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2025.

- Ông Nguyễn Kiên T4, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2026.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Lê T, bà Hồng Bích H trình bày: Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C có nợ tiền vay, tiền hụi của ông, bà cụ thể như sau:

Về phần nợ vay: Vào năm 2016, 2017, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C (tên gọi khác là Nguyễn Thị N) có vay của ông, bà tổng cộng 04 lần với số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng), các lần vay đều có làm biên nhận, thể hiện như sau:

- Ngày 26/8/2016 dương lịch vay 150.000.000đồng.
- Ngày 02/8/2016 âm lịch nhằm ngày 02/9/2016 vay 150.000.000đồng.
- Ngày 29/8/2016 âm lịch nhằm ngày 29/9/2016 vay 100.000.000đồng.
- Ngày 16/4/2017 âm lịch nhằm ngày 11/5/2017 vay 100.000.000đồng.

Sau khi vay ông D, bà C có trả cho ông, bà nhiều lần, tính đến ngày 25/8/2022 được số tiền vốn 130.000.000đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Ông bà yêu cầu ông D, bà C có nghĩa vụ trả tiền vốn vay còn nợ là 370.00.00.000đồng và trả lãi đến ngày 25/03/2025 là 31 tháng với lãi suất 0,83%/tháng bằng 95.201.000đồng. Tổng cộng vốn lãi 465.201.000đồng và lãi được tính tiếp đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Về phần nợ hụi: Vào năm 2017 ông D, bà C có tham gia hụi viên 03 dây hụi do bà H làm chủ hụi, loại hụi tháng 5.000.000đồng, 01 tháng mở 01 lần, cụ thể:

- Dây hụi ngày 29/01/2017, hụi 5.000.000đồng, có 25 phần, ông D, bà C 01 phần, hụi này ông D, bà C đã hót, sau đó ngưng đóng từ ngày 29/01/2018 âm lịch đến kết thúc hụi là 11 lần, ông, bà phải góp thay bằng 55.000.000đồng.

- Dây hụi ngày 10/4/2017, hụi 5.000.000đồng, có 24 phần, ông D bà C 01 phần, hụi này ông D, bà C đã hót, sau đó ngưng đóng từ ngày 10/01/2018 âm lịch đến kết thúc hụi là 13 lần, ông bà phải góp thay bằng 65.000.000đồng.

- Dây hụi ngày 19/9/2017, hụi 5.000.000đồng, có 25 phần, ông D bà C 01 phần, hụi này ông D, bà C đã hốt, sau đó ngưng đóng từ ngày 19/01/2018 âm lịch đến khi kết thúc hụi là 20 lần, ông bà phải góp thay bằng 100.000.000đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi ông bà phải nộp thay cho ông D, bà C là 220.000.000đồng. Ông D có làm giấy biên nhận thể hiện là ông D ngưng đóng hụi như ông, bà trình bày. Nay ông, bà yêu cầu ông D, bà C trả tiền hụi mà ông, bà đã góp thay bằng 220.000.000đồng và lãi tính từ ngày 19/01/2018 đến 19/4/2025 là 87 tháng, với lãi suất 0.83%/tháng bằng 158.862.000đồng. Tổng cộng vốn lãi là 378.862.000 đồng và tính lãi tiếp đến khi tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Phạm Văn D, bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Ông, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê T, bà Hồng Bích H. Bởi lẽ: theo thông báo thụ lý thì ông T, bà H gửi đơn khởi kiện buộc vợ chồng ông bà trả ông T, bà H tổng cộng số tiền 844.063.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ gì hợp pháp để chứng minh vợ chồng ông, bà có nợ ông T, bà H theo đúng quy định của pháp luật. Thực tế nhiều năm trước ông, bà có vay và tham gia góp hụi với bà H và việc giao dịch này đã kết thúc từ năm 2019. Nay nếu ông T, bà H giao nộp những tài liệu chứng cứ từ nhiều năm trước để khởi kiện buộc vợ chồng ông bà trả nợ là không đúng. Ông, bà yêu cầu xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của ông T, bà H. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H về việc yêu cầu ông bà trả số tiền 884.063.000đồng. Đề nghị Tòa án xem xét trả lại đơn khởi kiện cho ông T, bà H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông bà xin vắng mặt tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Thanh T5 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hợp đồng vay thỏa thuận với lãi suất 4,5%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn vay, khi nào cần thì yêu cầu trả vốn, còn lãi thì trả hàng tháng. Sau khi vay ông D, bà C có trả lãi cho ông T, bà H đến tháng 01 năm 2018 thì ngưng. Sau khi có trả vốn được 130.000.000đồng thì ông D có xin phần lãi từ tháng 01/2018 đến ngày 25/8/2022 nên phần lãi mà nguyên đơn nhận trong khoảng thời gian từ ngày vay đến ngày 25/8/2022 là không cao so với luật định. Nay nguyên đơn yêu cầu trả lãi theo lãi suất trên số tiền vốn còn lại với 0,83% x 370.000.000đồng, thời gian là 36 tháng bằng 110.556.000đồng. Tổng cộng vốn lãi vay là 480.556.000đồng.

Đối với phần nợ hụi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi tính từ ngày cuối cùng của ngày nguyên đơn góp hụi thay cho ông D, bà C đến ngày xét xử sơ thẩm: cụ thể:

- Dây hụi ngày 29/01/2017 ngày hụi kết thúc là ngày 03/01/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025) tính tròn là 80 tháng x 55.000.000đồng x 0,83%/ tháng bằng 36.520.000đồng.

- Dây hụi ngày 10/4/2017 ngày hụi kết thúc là ngày 14/02/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025) tính tròn là 79 tháng x 65.000.000đồng x 0,83%/tháng bằng 42.620.500đồng.

- Dãy hui ngày 19/9/2017, ngày hui kết thúc là ngày 17/9/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025) tính tròn 72 tháng x 100.000.000đồng x 0,83%/tháng bằng 59.760.000đồng.

Tổng cộng lãi:138.900.500đồng. Vốn lãi nợ hui 358.900.500đồng.

Tổng cộng nợ vay và nợ hui bằng 839.456.500đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 51/2025/QĐ – SCBSBA ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Lê T và bà Hồng Bích H.

Buộc ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả ông Trần Lê T và bà Hồng Bích H 839.456.500đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn D; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Giữa ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T với ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D1; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Theo thỏa thuận thì ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T số tiền 640.000.000 đồng (trong đó tiền nợ vay 370.000.000 đồng, tiền nợ hui 220.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền nợ hui là 50.000.000 đồng); Về chi phí giám định, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 11.131.980 đồng, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C đã nộp xong nên không phải nộp tiếp; Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 29.600.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Giữa ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T với ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị kiểm sát viên cho rằng: Giữa ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T với ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nội dung thỏa thuận của đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, giữa ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T với ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Theo thỏa thuận thì ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T số tiền 640.000.000 đồng (trong đó tiền nợ vay 370.000.000 đồng, tiền nợ hụi 220.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng); Về chi phí giám định, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 11.131.980 đồng, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C đã nộp xong nên không phải nộp tiếp; Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 29.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà C, ông D mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004826 và biên lai số 0004828 cùng ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2025/DS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 51/2025/QĐ – SCBSBA ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T với ông Nguyễn Hữu T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn D; ông Nguyễn Kiên T4, ông Phạm Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị C:

Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Hồng Bích H, ông Trần Lê T số tiền 640.000.000 đồng (trong đó tiền nợ vay 370.000.000 đồng, tiền nợ hụi 220.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền nợ hụi là 50.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí giám định: Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 11.131.980 đồng; ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C đã nộp xong nên không phải nộp tiếp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu số tiền 29.600.000 đồng.

Ông Trần Lê T, bà Hồng Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà C, ông D mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004826 và biên lai số 0004828 cùng ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 4 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng